TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2018/HN-ST
Ngày: 15/6/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp;

2/ Bà Phạm Thị Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Chung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 195/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thùy D, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp B, xã P, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp S, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thùy D trình bày:

Chị và anh Trần Tuấn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01/2013 ngày

11/01/2013. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn, do anh T thường xuyên tham gia đánh bài, đá gà chị khuyên can anh T không nghe mà còn dẫn đến cải nhau, có những lời nói xúc phạm chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T. Do đó chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cùng những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Tuấn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nhiều, anh có tham gia đá gà nhưng không thường xuyên nay anh không còn tham gia đá gà nữa. Anh và chị D ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Khi ly thân anh liên lạc với chị D nhưng chị D không nghe điện thoại, anh không về thăm vợ con do mặc cảm vì anh làm ăn thua lỗ. Anh còn thương vợ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng lo cho con nhưng chị D kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016; không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Nếu Hội đồng xét xử giao con cho chị D nuôi dưỡng anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Đ, cháu P2 mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thùy D và anh Trần Tuấn T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thùy D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016.

Ghi nhận anh Trần Tuấn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018.

Anh Trần Tuấn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thùy D và anh Trần Tuấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thùy D, anh Trần Tuấn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thùy D và anh Trần Tuấn T chung sống vợ, chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01/2013 ngày 11/01/2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do chị D và anh T bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị D, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị D, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thùy D và anh Trần Tuấn T có 02 con chung tên Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị D. Chị D và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị D và anh T thấy rằng: Cháu Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016 dưới 36 tháng tuổi, căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật Luật hôn nhân và gia đình 2014: " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Hiện tại, cháu Đ và cháu P2 hiện sống chung với chị D. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và điều kiện sống bình thường, ổn định của các cháu cần giao cháu Đ và cháu P2 cho chị D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Tuấn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018, sự tự nguyện này đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thùy D, anh Trần Tuấn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1/ Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thùy D và anh Trần Tuấn T.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016 cho chị Phạm Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh Trần Tuấn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 16/02/2013 và Trần Tấn P2, sinh ngày 29/8/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018.

Anh Trần Tuấn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chưa thi hành xong số tiền cấp dưỡng nêu trên trên, thì hàng tháng anh T phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thùy D và anh Trần Tuấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thùy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025347 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Trần Tuấn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án hôn nhân sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã P, H. Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị Ngọc Thu